

MỘT SỐ BIẾN ĐỔI VỀ NGHI LỄ, TẬP QUÁN HÔN NHÂN CỦA NGƯỜI MƯỜNG Ở HÒA BÌNH

NGUYỄN THỊ SONG HÀ

1. Đặt vấn đề

Hôn nhân có vai trò quan trọng trong đời sống của mỗi dân tộc, có ý nghĩa không chỉ đối với cá nhân mà còn với cả gia đình, dòng tộc. Hôn nhân gắn liền với nhiều nghi lễ, phong tục và chứa đựng nhiều sắc thái văn hóa của dân tộc. Ở mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau, hôn nhân lại có những biến đổi để phù hợp hơn với hoàn cảnh mới. Chính vì thế, đã có rất nhiều người quan tâm nghiên cứu đến lĩnh vực hôn nhân nói chung và hôn nhân của người Mường nói riêng như Nguyễn Ngọc Thanh (1995, 2005), Dương Hà Hiếu (2002), Nguyễn Thị Song Hà (2006, 2010), Hoàng Hữu Bình (2009), Nguyễn Thắm Thu Hà (2010)... Tất cả những công trình này đã đề cập khá rõ về hôn nhân truyền thống của người Mường và được coi là nguồn tư liệu phong phú và quý giá đối với những ai quan tâm nghiên cứu về tộc người này. Ở phạm vi bài viết này, chúng tôi muốn đề cập đến một số biến đổi về nghi lễ, tập quán hôn nhân của người Mường ở Hòa Bình kể từ Đổi mới (1986) đến nay và những nguyên nhân của những biến đổi ấy.

2. Một số biến đổi nghi lễ, tập quán hôn nhân của người Mường ở Hòa Bình

2.1. Biến đổi trong quan niệm, điều kiện và tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời

Nếu trước đây, theo truyền thống của người Mường, đám cưới được coi như một dấu ấn mà tập thể, cộng đồng công nhận tình

yêu của đôi nam nữ, thì ngày nay đám cưới không chỉ để công bố với dân làng về sự gắn kết của cặp vợ chồng mà còn được pháp luật công nhận và việc đăng ký kết hôn trước chính quyền địa phương cũng rất quan trọng, là cơ sở pháp lý đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ khi đôi nam nữ thành vợ thành chồng. Đây là điểm khác biệt lớn giữa hôn nhân truyền thống và hôn nhân hiện nay.

Ngày nay, quan niệm “lấy vợ xem tông, lấy chồng xem giống” vẫn được đặt ra trong cộng đồng người Mường, song các bậc cha mẹ cũng đã biết lắng nghe và tôn trọng sự lựa chọn của con cái. Trước kia, người Mường đặc biệt quan tâm đến “môn đăng hộ đối” và muốn thông qua hôn nhân để tăng thêm nguồn lao động cho gia đình, hôn nhân phần lớn đều do cha mẹ sắp đặt nên tình trạng kết hôn ở độ tuổi 11, 12 là khá phổ biến. Ngày nay, Luật Hôn nhân và Gia đình đã có quy định rõ về tuổi kết hôn nên tình trạng tảo hôn và hôn nhân cùng huyết thống hầu như không còn. Tình trạng bố mẹ ép buộc con cái trong chuyện tình cảm đã được hạn chế nhiều. Luật Hôn nhân và Gia đình ra đời đã tác động tích cực đến nhận thức của người Mường, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật Nhà nước về vấn đề hôn nhân và gia đình. Khi chúng tôi hỏi tuổi kết hôn hiện nay là sớm hay muộn hơn so với thế hệ trước đây, thì có tới 3/4 số người được hỏi trả lời tuổi kết hôn hiện nay muộn hơn nhưng hoàn toàn hợp lý bởi đến tuổi đó

nam nữ mới đủ hoàn thiện tâm, sinh lý để làm cha làm mẹ và lo toan cho cuộc sống gia đình... Đặc biệt là, thực tế hiện nay, nam nữ thanh niên Mường thường kết hôn muộn hơn so với tuổi của Nhà nước quy định, con gái 20 - 22 tuổi, con trai 23 - 24 tuổi. Nguyên nhân chính tác động đến sự thay đổi này là do thế hệ trẻ nhận thức được việc kết hôn sớm sẽ ảnh hưởng nhiều đến cuộc sống tương lai, hơn nữa thanh niên Mường ngày càng được đi học nhiều hơn, cao hơn và họ cũng muốn trang bị cho mình những kiến thức cơ bản để sau này có khả năng tự lập, phát triển kinh tế gia đình, nhằm đảm bảo cuộc sống. Như vậy, việc thay đổi tuổi kết hôn để phù hợp dần với quy định của Nhà nước là sự biến đổi tích cực liên quan đến hôn nhân của người Mường ở Hòa Bình.

Trước kia, nam nữ thanh niên Mường tìm hiểu nhau chỉ qua các buổi sinh hoạt cộng đồng, lễ hội của bản mường thì ngày nay phạm vi, không gian và thời gian để nam nữ thanh niên tìm đến với nhau được mở rộng. Nhiều người quen nhau rồi thành vợ thành chồng thông qua những lớp học tập huấn kiến thức về sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, tập huấn công tác đoàn, đi học nội trú và học nghề, qua các cuộc đi chơi dã ngoại... Nếu như xưa kia lời ca tiếng hát, lá thư được coi là công cụ để trai gái yêu nhau thổ lộ tình cảm và tâm tình thì những năm gần đây, cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin, internet, điện thoại... đã trở thành công cụ hữu ích của những đôi yêu nhau. Cách thức thể hiện, bày tỏ tình cảm cũng phong phú và đa dạng hơn. Trước kia, người Mường không có thói quen tặng quà, tặng hoa nhưng ngày nay, hoa hồng, đồ lưu niệm, sôcôla... cũng đã được nam nữ thanh niên, nhất là các bạn trẻ sống ở thành phố, trung tâm huyện và những nơi thuận lợi giao thông... sử dụng để thể

hiện tình cảm của mình. Đây là sự tiếp nhận văn hóa mới, không chỉ tác động đến người Mường mà còn nhiều tộc người khác trên đất nước ta. Sự tiếp nhận này giúp cho đời sống tinh thần của người Mường thêm phong phú và thúc đẩy giao lưu, tiếp xúc văn hóa giữa các tộc người trong bối cảnh mới.

Quá trình tự do tìm hiểu và quyết định hôn nhân cũng như sự phát triển của xã hội đã tác động không nhỏ đến tiêu chuẩn lựa chọn bạn đời của nam nữ thanh niên Mường. Gần đây, tiêu chuẩn về người vợ, người chồng hiểu biết, có trình độ học vấn, là cán bộ Nhà nước hay nghề nghiệp ổn định đã và đang là một trong những lựa chọn mới của thanh niên Mường. Hôn nhân trước đây, người ta đặc biệt quan tâm đến sự trinh tiết của người con gái, nhưng ngày nay quan niệm này không còn là tiêu chuẩn quan trọng tuyệt đối.

Trước đây, hôn nhân theo xu hướng chỉ thích kết hôn với người cùng đồng tộc, cùng xóm, cùng mường là chủ yếu, thì hiện nay do những tác động của xu thế giao lưu, hội nhập, sống xen kẽ nên đã có nhiều trường hợp người Mường kết hôn với các nhóm dân tộc khác như: Kinh, Thái, Dao, Hmông... Trong xã hội hiện đại, khi các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội ngày càng mở rộng, biến đổi và phát triển nhanh chóng, thì các dân tộc có điều kiện xích lại gần nhau, từ đó nảy sinh quan hệ hôn nhân hỗn hợp là một điều tất yếu, góp phần làm cho bức tranh văn hóa các dân tộc thêm phong phú và phát triển các mối quan hệ tộc người tốt đẹp.

Nếu như trước đây, những người không lập gia đình thường sống cô độc, bị dư luận xã hội chê cười, thì ngày nay người Mường đã nhìn nhận tiến bộ hơn về vấn đề này. Nhiều người cho rằng, việc làm sao lấy được chồng, vợ không quan trọng, mà điều

quan trọng hơn là cần phải tìm hiểu để có thể lấy được người chồng, người vợ hợp với mình, hiểu mình và biết chăm lo cho hạnh phúc gia đình. Bên cạnh đó, cũng có những bạn trẻ do bị ảnh hưởng cách suy nghĩ của lối sống hiện đại... lại không thích ràng buộc mình vào cuộc sống gia đình với những lo toan và trách nhiệm nên muốn hướng tới một cuộc sống độc thân, tự mình làm chủ. Đây chỉ là suy nghĩ của một bộ phận nhỏ, song thực tế chứng minh rằng, nhìn nhận về vấn đề sống độc thân trong xã hội Mường ngày càng có sự chuyển biến tích cực, không còn nặng nề và khắt khe như trước.

2.2. *Biến đổi nghi lễ, tập quán hôn nhân*

Nếu như trước kia, trai gái Mường để chính thức thành vợ chồng phải trải qua nhiều bước tiến hành nghi lễ đám cưới thì nay đã được rút ngắn hơn. Khi chế độ nhà Lang tồn tại và có vai trò thống trị (trước năm 1945), hôn nhân dưới hình thức hỏi *vợ mò* đã trở nên khá phổ biến. Đây là những cuộc hôn nhân mà gia đình nhà trai giao toàn quyền cho *chí mò* (người làm mối) lo liệu, chỉ đến khi đám cưới diễn ra, cô dâu chú rể mới chính thức được biết mặt nhau. Do đó vai trò của người làm mối trong hôn nhân truyền thống của người Mường đặc biệt quan trọng, thể hiện đậm nét sắc thái văn hóa của tộc người (Nguyễn Thị Song Hà, 2010, tr. 28-34). Từ khi đất nước thống nhất, đặc biệt là từ Đổi mới, hôn nhân “hỏi vợ mò” đã không còn tồn tại, nam nữ tự do tìm hiểu, chủ động bàn bạc với bố mẹ đôi bên để tiến hành đám cưới.

Ngày nay, nhiều nơi ở Hòa Bình, thách cưới trong nghi lễ hôn nhân đã thay đổi. Thành phần tham dự đám cưới và công việc vẫn giữ nguyên như trước, song có sự thay đổi lớn về lễ vật. Vai trò của trưởng họ trong việc thách cưới không còn như trước. Mức độ

thách cưới do nhà gái quyết định, thông nhất trao đổi với trưởng họ để trưởng họ truyền đạt lại với gia đình nhà trai. Song thách cưới hoàn toàn dựa vào tình hình kinh tế của hai bên gia đình và nhà gái chỉ thách cưới sao cho nhà trai có điều kiện sắm sửa. Từ năm 2000 đến nay, nhiều địa phương đã không còn thách cưới bằng đồ vật, con vật mà chuyển sang thách cưới bằng tiền mặt. Tùy từng vùng, mức thách cưới có sự khác nhau. Chẳng hạn, ở khu vực thành thị, thị trấn, thị tứ, các vùng trung tâm hay ven đường quốc lộ, mức tiền thách cưới dao động từ 2 đến 3 triệu, những vùng sâu hơn thường từ 1,5 đến 2 triệu đồng. Số tiền này được gia đình nhà gái mua đồ vật, lương thực, thực phẩm để lo cho đám cưới. Xu hướng cả hai bên gia đình tự lo công việc đám cưới của mình mà không phụ thuộc vào gia đình nhà trai đang ngày càng mở rộng. Nhiều gia đình cán bộ công chức Nhà nước không còn thách cưới, lễ vật mang sang nhà gái chỉ gồm buồng cau, chai rượu, trầu không, chè, thuốc lá, bánh kẹo...

Cách tính ngày, giờ tổ chức đám cưới cơ bản vẫn thực hiện theo quan niệm truyền thống, song ngoài việc sử dụng lịch Mường, các gia đình còn kết hợp cả sử dụng hệ lịch tính can - chi có nguồn gốc từ Trung Quốc và hệ thống lịch này ngày càng có xu thế chi phối. Trước kia, người Mường có quy định đoàn đi đón dâu khởi hành vào buổi sáng, còn đoàn đưa dâu về tới nhà chồng vào lúc trời nhá nhem tối, thì nay vẫn giữ tập quán đi đón dâu vào buổi sáng và đưa dâu đến nhà chồng vào buổi chiều, song xu hướng dâu về nhà chồng khoảng 2 - 3 giờ chiều là phổ biến. Tuy nhiên, đám cưới của những gia đình ở khu vực thành thị đã không còn tuân theo truyền thống mà họ căn cứ vào giờ tốt đối với hai vợ chồng để tiến hành đi đón dâu và đưa dâu. Nếu như trước kia, khi đi hẹn ngày cưới, nhà

tra phải mang rất nhiều *bánh khố* (bánh khảo) làm đồ lễ cho nhà gái mời cưới, thì ngày nay ít được sử dụng bởi cách thức mời bánh khá phức tạp và phải tuân theo quy định. Chính vì sự phức tạp này nên người Mường đã sử dụng thiệp mời như của người Kinh để mời họ hàng, người thân và bà con làng xóm đến dự đám cưới. Nhiều gia đình kết nối thông gia với người Kinh đã có thêm bánh phu thê, mứt sen và cau trầu đi mời dự cưới.

Nếu như trước kia, sau lễ hẹn ngày có khi nửa năm, thậm chí 1 - 2 năm sau đám cưới mới diễn ra, do hai bên gia đình phải chuẩn bị các điều kiện cần thiết, thì ngày nay thời gian này được rút ngắn lại, thường 7 - 10 ngày, chậm nhất là một tháng. Đám cưới xưa kia diễn ra dài ngày với nhiều nghi thức và tổ chức ăn uống linh đình, gây tốn kém thì hiện nay chỉ diễn ra trong một ngày. Hình thức đưa lễ vật sang nhà gái vẫn được tiến hành trước hôm đón dâu, song không công kênh như trước. Số đồ lễ được chú rể và một vài người trong họ tộc chở sang giao cho bố mẹ cô gái để kịp chuẩn bị cho ngày đón dâu.

Các nghi lễ trong ngày cưới hiện nay thay đổi khá nhiều, nhất là đoàn công chiêng phục vụ cho đám cưới. Có thời gian, trong đám cưới đã không còn sử dụng dàn công chiêng, thay vào đó là pháo nổ, bởi một phần do công chiêng bị mất và thất lạc nhiều, hơn nữa pháo lại được coi là “mốt” của xã hội một thời kỳ. Khoảng 10 năm trở lại đây, khi Đảng và Nhà nước cấm sử dụng pháo nổ bởi sự nguy hiểm của nó, cùng với tuyên truyền, vận động thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội để hình thành nghi thức mới lành mạnh, tiết kiệm, phát huy bản sắc văn hóa của từng dân tộc, thì sử dụng công chiêng trong đám cưới của người Mường đang dần được phục hồi. Bên cạnh đó, ở khu vực thành thị, thị trấn... lại xuất

hiện pháo hoa giấy của Trung Quốc khi đoàn đưa dâu về đến nhà trai hoặc khi hai họ cùng chung vui uống rượu mừng tại nhà hàng, khách sạn, giống như trong nghi thức đám cưới của người Kinh hiện nay.

Hình ảnh đôi cây mía khá phổ biến trong đám cưới của người Mường xưa kia, phải có mặt trong suốt quá trình đi hỏi vợ từ lúc đi ướm hỏi đến khi kết thúc đám cưới thì nay đã có nhiều biến đổi. Có những đám cưới hiện nay không còn sử dụng đôi cây mía trong ngày đón dâu, nhất là ở các khu vực thành thị, thị trấn nên nghi thức đón mía cũng được giản tiện hay bãi bỏ. Ngày nay, phần lớn việc đưa, đón dâu bằng ô tô, xe máy nên người Mường cho rằng việc vác đôi cây mía là không còn phù hợp. Tuy nhiên, ở những vùng sâu, vùng xa vẫn sử dụng đôi cây mía trong đám cưới, tuy mức độ có khác nhau như, cây mía chỉ sử dụng trong ngày đón dâu mà không còn sử dụng trong ngày đi ướm hỏi nữa, hoặc nếu có sử dụng thì họ lại dẫn mía ra từng khúc và cho vào túi cho tiện.

Các nghi lễ như soi gương xem bóng, *năm du* (cho dâu nằm ngủ), đốt đèn, cúng rượu cần và mời tổ tiên uống rượu cần... không còn thực hiện trong nghi lễ đám cưới hiện nay, đồng thời một số nghi thức đã có sự biến đổi. Tục cúng ra mắt tổ tiên và đặt tên dâu mới, rể mới vẫn được tiến hành song chỉ ở bên gia đình nào thì tổ chức cúng tổ tiên gia đình bên đó với các bài cúng được rút ngắn. Tục rửa chân cho cô dâu khi về nhà chồng vẫn còn ở một số nơi như: xóm Cháo 2 (Kim Tiến), xóm Vay (Thượng Tiến) thuộc huyện Kim Bôi; xóm Rộc, xóm Khang (Ngọc Sơn), xóm Bãng (Ngọc Lâu), huyện Lạc Sơn; xóm Hồ Dưới, xóm Trong (Nam Sơn), xóm Bo (Ngổ Luông), huyện Tân Lạc, nhưng phần lớn các nơi khác ở Hòa Bình đã bỏ nghi thức này. Nghi thức cô dâu phải lạy vua bếp nhà

chồng phần lớn không còn được thực hiện ở các vùng Mường ở Hòa Bình.

Phong tục ném tro bếp, bã rượu cần vào cô dâu, chú rể, đoàn đón dâu, đưa dâu trước đây khá phổ biến trong ngày cưới của người Mường thì hiện nay phong tục này đã gần như không còn thực hiện, có chăng người ta chỉ hắt ít nước sạch vào cô dâu, chú rể với ngụ ý cầu chúc cho đôi vợ chồng trẻ sống hạnh phúc, sớm sinh con cái khỏe mạnh.

Đặc trưng cơ bản trong đám cưới xưa là hát đối đáp *thường rang, bộ mẹn* (hát đối đáp, giao duyên giữa nam và nữ) thì ngày nay đang dần bị phai mờ. Nam nữ thanh niên thích nhảy hiện đại, thích hát các bài hát của giới trẻ, bởi họ cho rằng như thế đám cưới mới vui và sôi động. Vì thế, nhiều gia đình đã thuê phòng bạt, bàn ghế, bộ dàn âm thanh, đàn Oóc gan để phục vụ đám cưới cho con em mình.

Xưa kia, sau đám cưới phù dâu, phù rể thường ở lại để giúp bạn đến khi hết lễ lại mặt, thì ngày nay phần lớn không còn. Ở khu vực thành thị, cô phù dâu sẽ theo đoàn nhà gái về nhà luôn trong ngày hôm đó, còn ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, chỉ có một phù dâu ở lại nhưng ngày hôm sau phải về nhà gái cùng đôi vợ chồng trẻ. Lễ lại mặt vẫn được thực hiện 3 lần, tuy nhiên, những lần sau chỉ có cô dâu và chú rể mà không còn phù dâu, phù rể đi cùng.

Tên gọi trong các nghi thức hôn nhân hiện nay cũng có sự thay đổi. Cách gọi các nghi lễ đã và đang giống của người Kinh như lễ dạm ngõ, lễ ăn hỏi, lễ cưới... Sở dĩ có điều đó là bởi, những năm 1960 - 1970 Nhà nước ta chủ trương vận động người dân miền xuôi lên xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội miền núi nên số đồng bào Kinh di dân lên miền núi Hòa Bình khá

đông, do đó nhiều yếu tố văn hóa mới của người Kinh đã có ảnh hưởng đến văn hóa cổ truyền của người Mường ở Hòa Bình.

2.3. *Biến đổi về lễ vật*

Lễ vật dùng trong hôn nhân hiện nay có sự thay đổi phù hợp với xu thế của xã hội. Trâu, bò, sanh đồng, bạc trắng... đã không còn trong lễ vật dẫn cưới. Vò *rượu dục* có một ý nghĩa quan trọng, là món quà của chàng rể biếu mẹ vợ để đền đáp công ơn sinh thành và nuôi nấng vợ ngày nay được thay thế bằng bộ quần áo. Nguyên nhân khiến vò *rượu dục* cũng như tục uống rượu cần ít thấy trong đám cưới hiện nay là do những người biết kỹ thuật làm rượu cần theo truyền thống không còn nhiều, nếu có thì đã quá già không thể tự mình làm được, trong khi đó giới trẻ lại ít quan tâm đến học cách làm rượu cần. Bên cạnh đó, hiện nay người Mường thường sử dụng rượu trắng vì dễ nấu, rẻ và không mất nhiều công sức.

Trong đám cưới, trâu, cau, rượu vẫn là biểu trưng cho hạnh phúc không thể thiếu, song một số lễ vật khác đã dần thay đổi. Bánh chưng không nhân xưa kia là không thể thiếu và chiếm một số lượng lớn trong đám cưới, thì hiện nay không còn quan trọng như trước nữa. Bánh chưng được sử dụng làm lễ vật chỉ mang tính hình thức, thường nhà trai mang sang nhà gái 8 - 10 chiếc cho có lệ. Nhiều đám cưới, đặc biệt là khu vực thành thị, khu vực trung tâm và ven quốc lộ... người Mường không còn sử dụng bánh chưng trong các nghi thức đám cưới, thay vào đó là bánh kẹo đóng gói. Một số trường hợp người Mường kết hôn với người Kinh, người ta đã sử dụng bánh cốm, bánh phu thê để làm lễ vật trong ngày ăn hỏi.

Tập quán trước kia kiêng không dùng rượu màu, thì ngày nay nhiều đám cưới không

những sử dụng rượu màu sản xuất trong nước mà còn sử dụng rượu ngoại như sâm panh của Pháp, rượu vang Ý hoặc Chi Lê. Chè xanh đã được thay thế bằng chè khô đóng gói.

Trước kia, lễ vật cô dâu mang về nhà chồng thường là chăn, đệm, gối, quần áo... đều do đôi bàn tay cô làm, thì ngày nay do nền kinh tế thị trường tác động nên các cô dâu Mường được bố mẹ sắm sửa tủ đồ đựng quần áo, giường gỗ, chăn đệm, đôi khi việc sắm sửa đó cũng trở thành một gánh nặng với gia đình nhà gái. Đã có gia đình chia của hồi môn cho con gái về nhà chồng hoặc ra ở riêng không còn là những đồ truyền thống như trâu, bò, lợn, gà... mà thay vào đó là tiền mặt và những đồ vật hiện đại như tivi, tủ lạnh, bếp ga, xe máy, thậm chí những gia đình có điều kiện đã mua nhà riêng cho con.

2.4. *Biến đổi trong trang phục*

Trang phục sử dụng trong đám cưới ngày nay thay đổi khá nhiều, cả ở trang phục của chú rể, cô dâu và những người tham dự. Nếu như trước kia, chú rể mặc trang phục truyền thống thì ngày nay hầu như tất cả đều mặc đồ âu: quần âu, áo sơ mi thắt calavat, ngoài ra với những gia đình có điều kiện, chú rể đặt may, mua hoặc thuê com-ple ở các cửa hàng cho thuê quần áo cưới. Sự thay đổi trang phục của cô dâu, theo quan sát của chúng tôi, có 3 xu hướng. Thứ nhất, mặc váy cưới, tóc quấn xoăn, trang điểm, tay cầm hoa theo hiện đại - thường là những cô dâu sinh sống ở khu vực thành phố, trung tâm huyện, thị trấn, ven đường quốc lộ...; thứ hai, cô dâu mặc quần áo bình thường (là những bộ quần áo đẹp nhất, mới nhất); và thứ ba, cô dâu mặc quần áo Mường, nhưng đã có sự cách tân. Tuy nhiên, những cô dâu mặc quần áo Mường không nhiều và chủ yếu chỉ ở những nơi vùng sâu, vùng xa. Vì thế, phong tục cô dâu phải thay

đôi trang phục ra trong ngày cưới không còn nữa. Tập quán trong ngày cưới cô dâu mặc áo chùng đỏ, tóc xoắn... lạy ra mắt trước bàn thờ tổ tiên không còn được thực hiện. Thay vào đó, cô dâu phải mặc quần áo Mường khi ra mắt tổ tiên của họ nhà trai (huyện Tân Lạc và Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình). Sự thay đổi này có ý nghĩa tích cực là làm cho đám cưới bớt rườm rà song lại đánh mất bản sắc văn hóa đặc trưng của tộc người Mường.

Những người tham gia lễ cưới hiện nay cũng thay đổi trong cách ăn mặc. Quần áo Mường chủ yếu chỉ còn các bà, các mẹ sử dụng. Ở thành thị người Mường lại thích mặc áo dài, váy như người Kinh đi dự đám cưới cho đẹp, tiện và hiện đại.

Cũng không thể không nhắc đến một xu thế mới được tiếp nhận vài năm gần đây trong đám cưới của người Mường, đó là chụp ảnh cưới. Ở khu vực thành thị, phần lớn thanh niên nam nữ trước khi cưới thường tìm đến các studio chụp ảnh và làm album cưới để làm kỷ niệm. Xu hướng này cũng đang lan dần về vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, các cô dâu, chú rể dù điều kiện kinh tế khó khăn cũng cố gắng ra trung tâm huyện để thuê quần áo cưới, trang điểm và chụp vài kiểu ảnh cưới với giá từ 20.000 đến 30.000 đồng/kiểu. Xu thế này cũng đang diễn ra khá phổ biến trong các dân tộc nước ta.

2.5. *Biến đổi trong ăn uống, mừng cưới*

Theo tập quán xưa, đám cưới được tổ chức ăn uống nhiều ngày và khá tốn kém, nhưng hiện nay chỉ tổ chức trong một ngày. Ngày nay, cỗ bàn trong đám cưới có nhiều ảnh hưởng của người Kinh như số lượng món ăn đã nhiều hơn, không chỉ đơn thuần là các món luộc, hấp, canh truyền thống... mà đã có các món rán, nướng, hoa quả tráng miệng... được bày trên mâm đồng, mâm nhôm. Phần

lớn ở khu vực thành thị, huyện lỵ, người ta thích sự thay đổi này bởi người Mường cho rằng, như vậy mới phong phú, đa dạng và phù hợp với đời sống xã hội hiện đại.

Phong tục mừng cưới cũng có những thay đổi đáng kể. Trước đây, chỉ anh em họ hàng mới mừng quà - là những tấm vải tự dệt cho cô dâu, chú rể, thì nay gần như ai đến dự đám cưới cũng có quà mừng, thường bằng tiền. Tiền mừng nhiều hay ít tùy thuộc vào khả năng kinh tế của người mừng cưới và mối quan hệ của người này với cô dâu, chú rể hoặc với gia đình hai họ. Ở khu vực thành thị, huyện lỵ, người Mường thường mừng cô dâu, chú rể từ 50 đến 100 nghìn đồng, còn những vùng xa hơn từ 30 đến 50 nghìn đồng. Tâm lý của những người được nhận quà mừng cũng mong muốn được mừng tiền hơn là mừng bằng hiện vật, bởi tiền còn có thể mua được những vật dụng cần thiết mà đôi vợ chồng trẻ còn thiếu hoặc giúp gia đình trang trải việc cưới hoặc nếu còn thì sẽ có thêm một chút vốn. Tâm lý người đi mừng cũng muốn mừng tiền bởi tiện lợi, nhẹ nhàng, không phải suy nghĩ, đắn đo mua cái gì cho hợp với cô dâu, chú rể. Điều này phản ánh tính chất kinh tế thị trường đã tác động vào lĩnh vực hôn nhân và đời sống của người Mường một cách rõ rệt chứ không đơn thuần là biểu hiện của tình cảm; hơn thế nữa cũng đã bắt đầu xuất hiện tâm lý thu lợi thông qua cưới hỏi của một số ít người, nhất là những người có vị trí trong xã hội.

3. Nguyên nhân biến đổi

3.1. Kinh tế

Kể từ khi tiến hành công cuộc Đổi mới, đã mang lại những thay đổi to lớn, nhanh chóng về kinh tế - xã hội của đất nước. Việc chuyển từ cơ chế kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang phát triển nền

kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã làm cho nền kinh tế của nước ta từng bước ổn định và phát triển, vượt qua sự khủng hoảng về kinh tế. Cùng với tiến trình phát triển chung của đất nước, tỉnh Hòa Bình có nhiều bước phát triển nổi bật về kinh tế. Sự đầu tư của Nhà nước, của chính quyền địa phương trong việc phát triển cơ sở hạ tầng, đặc biệt là đường, điện, điện thoại, nước sạch, trường học, trạm y tế... cũng như các chính sách về đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng đồng bào dân tộc, miền núi như nhà ở, ruộng đất, tín dụng, đào tạo nghề, giải quyết việc làm... đã góp phần làm cho đời sống kinh tế - xã hội của các tộc người ở Hòa Bình nói chung và của người Mường nói riêng có nhiều khởi sắc.

Năm 1993, khi Luật Đất đai ra đời, và sau đó là Luật sửa đổi bổ sung một số điều năm 1998, cùng với công cuộc Đổi mới nông thôn kể từ sau Khoán 10 năm 1988 đã đảm bảo cho người dân có quyền sử dụng đất đai của mình vào phát triển kinh tế hộ gia đình một cách chủ động và có hiệu quả. Nghị quyết 22/NQ-TƯ, ngày 27/1/1989 của Bộ Chính trị khóa VI là một mốc quan trọng trong việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, nhằm phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nghị quyết Đại hội VI, VII, VIII, IX, X của Đảng cũng khẳng định những nội dung cơ bản của chính sách dân tộc trong sự nghiệp Đổi mới. Có thể nói, đó là một trong những nguyên nhân, cơ sở tạo đà làm thay đổi căn bản đời sống kinh tế của người Mường ở Hòa Bình. Bên cạnh đó, các Chương trình 134, 135, các chính sách phát triển kinh tế - xã hội khác đã giúp cho các xã vùng sâu, vùng xa được cải thiện đáng kể cả về đời sống vật chất cũng như tinh thần. Tỷ lệ các hộ đói nghèo đã giảm đi đáng kể, đường

giao thông liên tỉnh, liên huyện, liên xã... được xây dựng kiên cố, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế của tỉnh.

Kinh tế thị trường phát triển đã ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của đồng bào Mường nơi đây. Nền kinh tế truyền thống tự cung tự cấp nay đã thay đổi theo hướng hàng hóa do cơ chế thị trường điều tiết. Hàng loạt các chợ trung tâm và các chợ nhỏ mọc lên, hàng hóa phong phú, mua bán sầm uất đã tạo ra bộ mặt kinh tế nông thôn, miền núi hoàn toàn mới. Một số ngành nghề mới cũng bắt đầu hình thành và khá phát triển, đem lại nguồn thu đáng kể cho ngân sách của tỉnh cũng như nâng cao đời sống kinh tế của các hộ gia đình, như: xây dựng (đạt 1.512.134 triệu đồng), công nghiệp chế biến (1.251.661 triệu đồng), thương nghiệp (sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và đồ dùng cá nhân đạt 478.798 triệu đồng), kinh doanh nhà hàng - khách sạn (336.313 triệu đồng), kinh doanh tài sản và dịch vụ tư vấn (333.166 triệu đồng), vận tải, kho bãi, thông tin liên lạc và du lịch (530.261 triệu đồng)... (Cục Thống kê Hòa Bình, 2009, tr. 41-42).

3.2. Văn hóa - xã hội

Kinh tế thị trường phát triển kéo theo sự biến đổi về văn hóa - xã hội bởi khi đất nước mở cửa hội nhập với nền kinh tế thế giới tất yếu phải có sự giao lưu. Sự giao lưu văn hóa trong khu vực và quốc tế thời kỳ mở cửa, hội nhập, cùng với sự phát triển của các phương tiện truyền thông cùng nhiều sản phẩm văn hóa khác đã và đang tác động không nhỏ đến đời sống văn hóa tinh thần, trong đó có nghi lễ trong hôn nhân của đồng bào Mường ở Hòa Bình. Ngoài văn hóa truyền thống, đồng bào đã tiếp nhận nhiều hơn về văn hóa quốc tế, khu vực, trong nước và các tộc người sống xung quanh. Thông

qua tiếp nhận các giá trị văn hóa mới, phong tục tập quán có điều kiện để so sánh, chọn lọc, cách tân, cải tiến cho phù hợp với điều kiện mới mà vẫn không đánh mất bản sắc văn hóa của dân tộc.

Nhìn vào thực tế hiện nay, chúng ta thấy người Mường đã tiếp thu nhiều yếu tố mới từ các tộc người khác sống xung quanh, đặc biệt là người Kinh, khiến cho đời sống văn hóa tộc người biến đổi nhanh chóng. Chẳng hạn như, trước kia nhà sàn là loại hình nhà duy nhất thì ngày nay đã có nhiều biến đổi. Ngôi nhà sàn truyền thống đã được cải biến để phù hợp hơn với môi trường và cuộc sống hiện đại. Bên cạnh đó, ở khu vực thành thị, thị trấn, thị tứ, những ngôi nhà bằng đất, lợp ngói, nhà xây kiên cố, nhà cao tầng xuất hiện ngày càng nhiều thay thế ngôi nhà sàn xưa. Những tiện nghi sinh hoạt trong nhà, cách bố trí nội thất cũng có nhiều thay đổi. Hình ảnh bếp củi chỉ thấy trong những ngôi nhà sàn ở vùng sâu, vùng xa, thay vào đó ở vùng trung tâm, người Mường đang có xu hướng sử dụng bếp ga, bếp điện vào việc nấu nướng hàng ngày. Nhiều gia đình mua sắm bàn ghế sa lông, trường kỷ để tiếp khách, tủ ly, tủ rượu, tủ đựng quần áo hai, ba buồng, tivi, tủ lạnh, điều hòa nhiệt độ, giường đôi hiện đại, ga, đệm... làm cho không gian trong ngôi nhà thay đổi căn bản. Tập quán tắm suối hoặc ở các mót nước cũng chỉ thấy ở các vùng sâu, vùng xa... còn ở thành phố, thị trấn, các gia đình đã có nhà tắm, nhà vệ sinh với đầy đủ bồn cầu, chậu rửa, vòi hoa sen... Ngoài ra, tập quán và thói quen trong trang phục, ăn uống cũng có nhiều thay đổi. Ngày nay, hầu như nam giới mặc âu phục, nữ giới chỉ mặc quần áo truyền thống khi lễ, tết. Người Mường không chỉ còn ăn các món ăn luộc như xưa mà xen vào đó là các món xào,

rán..., đồ uống ngoài rượu cần còn có cả rượu ngoại, bia, và các thức uống có ga...

Có thể thấy rằng, nền kinh tế thị trường cùng quá trình đô thị hóa đã và đang tác động khá mạnh mẽ, làm thay đổi căn bản đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của người Mường. Yếu tố này chính là nhân tố quan trọng khiến quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa giữa người Mường và các tộc người khác ngày càng được mở rộng, phát triển. Sự tiếp biến văn hóa này là tự nguyện và là một xu thế tất yếu, bởi văn hóa vừa có tính bền vững, nhưng cũng không ngừng biến đổi theo quy luật phát triển chung của xã hội. Tuy nhiên, trước xu thế toàn cầu hóa, nhất là khi Việt Nam trở thành thành viên 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và yêu cầu phát triển mới của đất nước, việc tiếp nhận các yếu tố mới của nền văn hóa khác, nhất là văn hóa ngoại lai là khó tránh khỏi với cộng đồng người Mường ở Hòa Bình. Bên cạnh những mặt tích cực đó, chúng ta cũng phải kể đến những mặt tiêu cực đã và đang ảnh hưởng đến đời sống văn hóa do quá trình hội nhập, bùng nổ thông tin và giao lưu văn hóa đem lại. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, văn hóa ngoại lai xâm nhập vào nước ta một cách dễ dàng, sự tràn ngập của văn hóa nước ngoài hiện nay như phim ảnh, băng đĩa nhạc, tranh ảnh... đã tác động đến cộng đồng dân cư, nhất là một bộ phận tầng lớp thanh thiếu niên, khiến cho một số bản sắc văn hóa đang bị mai một, đồng thời hình thành lối sống thực dụng, chạy theo đồng tiền, xem nhẹ những giá trị đạo đức trong cộng đồng, xã hội. Như vậy, tác động của kinh tế thị trường, của quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ đã ảnh hưởng đến lối sống, hình thành nên tâm lý tiêu dùng, chạy theo tiện nghi vật chất không

chỉ ở người Mường mà còn ở hầu hết các tộc người sinh sống trên đất nước ta. Đó chính là những nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến những thay đổi về nghi lễ, phong tục trong hôn nhân của người Mường ở Hòa Bình.

3.3. Chính sách - luật pháp

Nguyên nhân căn bản và sâu sắc nhất dẫn đến sự biến đổi về nghi lễ, tập quán hôn nhân của người Mường chính là sự tác động của các chủ trương, chính sách, đường lối của Đảng và Nhà nước, kết hợp với công tác tuyên truyền sâu rộng đến mọi tầng lớp, đối tượng trong nhân dân về thực hiện nông thôn mới và nếp sống văn hóa mới. Các chủ trương, chính sách ấy đã thực sự đi vào cuộc sống của người dân, có sức mạnh to lớn làm chuyển biến mạnh mẽ quan niệm của người dân về nhiều mặt của cuộc sống và văn hóa. Đã có nhiều Nghị quyết, Chỉ thị, Quyết định của Đảng, Chính phủ và địa phương về công tác dân tộc và miền núi.

Liên quan đến sự biến đổi trong nhận thức và hành động của người Mường trong lĩnh vực hôn nhân, chính là sự ra đời của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959. Tuy nhiên, khi Luật Hôn nhân và Gia đình lần hai được ban hành năm 1986, đặc biệt là Luật Hôn nhân và Gia đình sửa đổi được Quốc hội thông qua gần đây nhất vào 9 tháng 6 năm 2000 và Nghị định số 32/2002/NĐ-CP về Luật Hôn nhân và gia đình đối với các dân tộc thiểu số đã quy định và khuyến khích các dân tộc phát huy những phong tục tập quán tốt đẹp trong hôn nhân như thực hiện chế độ hôn nhân một vợ một chồng, nam nữ tự do tìm hiểu và tự do lựa chọn bạn đời...; bên cạnh đó, kiên quyết loại bỏ những hủ tục lạc hậu, tác động tiêu cực đến đời sống xã hội nói chung và hôn nhân gia đình nói riêng... thì hôn nhân của các tộc người, trong đó có

người Mường từng bước được điều chỉnh bằng thiết chế của luật pháp.

Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc do Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành ngày 16/7/1998 và sau hơn 10 năm tổ chức thực hiện, đã thực sự tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống xã hội, có sức lan tỏa sâu rộng, hình thành nhiều phong trào văn hóa ở các vùng miền núi, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, thúc đẩy kinh tế phát triển. Nội dung Nghị quyết Trung ương 5 đề cập đến 10 nhiệm vụ của công tác văn hóa, trong đó nhấn mạnh việc xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn mới, xây dựng môi trường văn hóa, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa, bảo tồn, phát huy và phát triển văn hóa của các dân tộc thiểu số... Có thể nói, những Nghị quyết, chính sách này đã đem lại hiệu quả cao trong việc phát triển văn hóa dân tộc, tác động tích cực đến nhận thức của người dân, giúp họ *gạn đục khơi trong* để tự lựa chọn những giải pháp bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc và tiếp thu nền văn hóa của các dân tộc khác một cách có chọn lọc, không làm mất đi bản sắc văn hóa của dân tộc mình.

4. Kết luận

Trong xu thế phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập ngày nay, nghi lễ, tập quán hôn nhân của người Mường ở Hòa Bình đang có sự biến đổi để thích ứng với điều kiện mới. Quá trình biến đổi ấy diễn ra khá toàn diện, thể hiện ở các chiều cạnh khác nhau: quan niệm, nhận thức, không gian, thời gian, lễ nghi, vật chất và chính cả tâm tư, tình cảm của con người. Trong quá trình biến đổi, người Mường đã có sự giao lưu và tiếp nhận một số yếu tố văn hóa của những tộc người

khác, đặc biệt là người Kinh và của thế giới qua nhiều con đường khác nhau. Sự giao lưu và tiếp biến văn hóa này được coi là một quy luật trong sự vận động và phát triển của văn hóa tộc người, tạo nên sự dung hợp, tổng hợp và tích hợp văn hóa ở các cộng đồng; từ đó tạo nên sự phát triển văn hóa phong phú, đa dạng. Sự tiếp nhận, biến đổi ấy, trong đó có hôn nhân, do chính người Mường lựa chọn để thích nghi với điều kiện mới.

Tài liệu tham khảo

1. Hoàng Hữu Bình (Chủ biên) (2009), *Văn hóa người Mường huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
2. Cusinier, Jean (1996), *Người Mường, địa lý nhân văn và xã hội*, Nxb Lao động.
3. Cục Thống kê Hòa Bình (2009), Niên giám thống kê tỉnh Hòa Bình 2008, Hòa Bình.
4. Nguyễn Thâm Thu Hà (2010), “Tục lệ cưới xin của người Mường ở xóm Đa, xã Tân Mỹ, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 58-68.
5. Nguyễn Thị Song Hà (2010), “Vai trò của *chí mờ* trong hôn nhân truyền thống của người Mường ở Hòa Bình”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 2, tr. 28-34.
6. Dương Hà Hiếu (2002), “Tục cưới xin của người Mường ở Thanh Sơn, Phú Thọ”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 67-72.
7. Nguyễn Ngọc Thanh (1995), “Tục lệ cưới xin của người Mường huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình”, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, Số 4, tr. 59-64.
8. Nguyễn Ngọc Thanh (2005), *Gia đình và hôn nhân của dân tộc Mường ở tỉnh Phú Thọ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.